

**NGHỊ QUYẾT**  
**HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA**  
**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XVIII**  
**về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc**  
**thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025,**  
**định hướng đến năm 2030**

-----

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XVIII được tổ chức vào ngày 30/12/2020 đã thảo luận và thống nhất thông qua Nghị quyết về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình) như sau:

**I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN**

1. Toàn tỉnh Khánh Hòa hiện có 35 dân tộc thiểu số đang sinh sống, với dân số trên 72 nghìn người, chiếm tỷ lệ 5,8% dân số toàn tỉnh; trong đó dân tộc Raglai nhiều nhất, chiếm tỷ lệ 77,62%, Cơ Ho chiếm tỷ lệ 7,96%, Ê Đê chiếm tỷ lệ 5,22%, Hoa chiếm tỷ lệ 2,74%, Tày chiếm tỷ lệ 2,34%, Nùng chiếm tỷ lệ 1,38%, các dân tộc khác chiếm tỷ lệ 2,74%. Các dân tộc thiểu số cư trú chủ yếu ở vùng miền núi thuộc huyện Khánh Sơn, huyện Khánh Vĩnh và một số xã miền núi thuộc huyện Cam Lâm, huyện Diên Khánh, thị xã Ninh Hoà, thành phố Cam Ranh. Ngoài ra, một số ít người Hoa, Tày, Thái,... sinh sống ở vùng đồng bằng, ven biển và các đô thị tại thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh. Theo Quyết định số 582/QĐ-TTg, ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Khánh Hòa có 51 xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó có 16 xã khu vực III, 29 xã khu vực II, 6 xã khu vực I và 65 thôn đặc biệt khó khăn.

Qua 10 năm triển khai thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020, tỉnh Khánh Hòa đã đạt nhiều kết quả quan trọng, bộ mặt vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nhiều khởi sắc, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội

từng bước được đầu tư hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, học tập, lao động sản xuất và đời sống của người dân; nhiều mô hình hỗ trợ, đầu tư phát triển sản xuất hiệu quả được triển khai và nhân rộng, góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo; đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số không ngừng được cải thiện; nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân có sự chuyển biến tích cực; quốc phòng, an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

**2.** Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: tình hình kinh tế - xã hội và đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở miền núi còn nhiều khó khăn; tiềm năng, thế mạnh của từng vùng chưa được phát huy; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số tuy có giảm nhưng nguy cơ tái nghèo còn cao (hiện số hộ nghèo dân tộc thiểu số là 5.979 hộ, chiếm 58,9% tổng số hộ nghèo toàn tỉnh); khả năng tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ tiện ích xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số còn rất khó khăn, chất lượng cuộc sống còn rất thấp,...

**3.** Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên là do trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc thiểu số không đồng đều; cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn thiếu, chưa đáp ứng và tạo động lực cho phát triển; nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, nhận thức của người dân còn nhiều hạn chế; trình độ lao động sản xuất còn lạc hậu, tình trạng thiếu đất ở và đất sản xuất, vấn đề giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn... đã ảnh hưởng đến vấn đề an sinh và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương, đổi mới, sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của tỉnh, cả nước; cải thiện đời sống của nhân dân; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh

chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Đến năm 2025:**

- Phần đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng hơn 2 lần so với năm 2020 (trên 28 triệu đồng/người/năm).

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm 4 - 5%.

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 100% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa.

- 70% số trường học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia.

- 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp.

- 35% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới.

- Giảm 50% số xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- 100% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở được quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí ở những nơi cần thiết. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất cho đồng bào.

- Tỷ lệ huy động trẻ dân tộc thiểu số ra lớp trong độ tuổi nhà trẻ 15%; tỷ lệ trẻ mẫu giáo dưới 5 tuổi đến trường 82%; tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 99,5%; học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 99,95%, học trung học cơ sở trên 98%, học trung học phổ thông và trung cấp nghề trên 70%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 98%.

- Phần đầu 100% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế; trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ; trên 95% phụ nữ sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%.

- 70% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 100% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ, số lượng bảo đảm phù hợp với tỷ lệ dân số người dân tộc thiểu số ở từng địa phương theo Quyết định số 402/QĐ-TTg, ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới.

- Phấn đấu 100% cán bộ, công chức, viên chức vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc thiểu số theo quy định.

- 100% người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh.

## 2.2. Đến năm 2030:

- Phấn đấu thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm xuống dưới 10%.

- 70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới; cơ bản không còn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Hàng năm, thu hút 5% lao động sang làm các ngành, nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030, có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành, nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

- Phấn đấu có 80% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.

- Ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái; duy trì, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng trên 46,5%.

- Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

- 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở được quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí ở những nơi cần thiết.

- Xóa tình trạng nhà ở tạm, dột nát. Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững đến năm 2030.

## III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

### 1. Phạm vi

Địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, trong đó tập trung ưu tiên đầu tư cho địa bàn đặc biệt khó khăn.

## **2. Đối tượng điều chỉnh**

- Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số.
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế - xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn.

## **IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Nhiệm vụ**

1.1. Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 25-CT/TU, ngày 02/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 65-KL/TW, ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc trong tình hình mới.

1.2. Tập trung huy động các nguồn lực triển khai thực hiện hiệu quả các dự án, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội. Tiếp tục cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của tỉnh và cả nước, trọng tâm là hai huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh và địa bàn vùng đặc biệt khó khăn.

1.3. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, chính sách, dự án liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc ở các cấp, các ngành trong tỉnh.

### **2. Giải pháp chủ yếu**

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về công tác dân tộc trong tình hình mới, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiên trì thực hiện các quan điểm của Đảng về công tác dân tộc theo Nghị quyết số 24-NQ/TW, các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và nghị quyết của Tỉnh ủy; xác định công tác dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách, là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị. Tiếp tục đẩy mạnh “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.2. Xây dựng các cơ chế, chính sách đầu tư phát triển sản xuất phù hợp với đặc tính, phong tục, tập quán, điều kiện tự nhiên của từng địa phương, góp

phần thay đổi nhận thức, đề cao ý thức tự vươn lên trong cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Giảm dần các chính sách mang tính hỗ trợ gây tâm lý trông chờ, ỷ lại, chưa khuyến khích người dân tự vươn lên thoát nghèo; chuyển sang đầu tư phát triển, tăng cho vay tín dụng ưu đãi, hỗ trợ có điều kiện, đầu tư cơ sở hạ tầng cho cộng đồng để phát triển kinh tế hộ; động viên, khuyến khích, tạo lập niềm tin cho cấp uỷ, chính quyền cơ sở, đồng bào dân tộc thiểu số phát huy nội lực, ý chí tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo, làm giàu hợp pháp, hội nhập với sự phát triển chung của tỉnh và cả nước.

2.3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, nâng cao nhận thức, trình độ học vấn, thay đổi tư duy, cách nghĩ, cách làm hiệu quả, trang bị các kỹ năng trong lao động sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số. Tập trung xây dựng, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức về công tác dân tộc cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, vận động, triển khai thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc nói chung và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nói riêng. Đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở phải sâu sát dân, hiểu biết văn hóa, phong tục tập quán, đặc điểm tâm lý, tính cách của đồng bào dân tộc thiểu số nơi mình công tác; xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, với chính quyền và cán bộ; tạo đồng thuận trong xã hội, củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước; phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, hòa nhập và phát triển.

2.4. Tập trung giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt. Quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu các khu dân cư để sắp xếp di dời số hộ dân tộc thiểu số đang sinh sống phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở, về nơi ở ổn định gắn với việc giao đất sản xuất, đào tạo chuyển đổi nghề, tạo sinh kế cho người dân. Cấp uỷ, chính quyền các địa phương có trách nhiệm tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân giữ đất để phát triển sản xuất, thoát nghèo; kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng sự thiếu thông tin, hiểu biết chính sách pháp luật của đồng bào dân tộc thiểu số, để thực hiện các quyền sử dụng đất trái quy định pháp luật.

2.5. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, phát huy thế mạnh của từng địa phương, phù hợp với tập quán, văn hóa của đồng bào các dân tộc. Tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hình thành và phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao; nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, tạo ra sản phẩm đặc sản của từng địa phương có giá trị cao. Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến thương mại để giải quyết đầu ra cho sản phẩm hàng hóa. Quan tâm phát triển du lịch, nhất là du lịch sinh thái, gắn kết du lịch với giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt chính sách giải quyết việc

làm và hỗ trợ khởi nghiệp đối với thanh niên người dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng và đào tạo nghề; khuyến khích xây dựng hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ... góp phần giải quyết việc làm tại chỗ cho đồng bào dân tộc thiểu số.

2.6. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ Trung ương, tỉnh, các địa phương, trong nhân dân, doanh nghiệp, hợp tác quốc tế và các nguồn lực hợp pháp khác... để đầu tư thực hiện Chương trình; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước tăng ít nhất 1,5 lần so với giai đoạn 2016 - 2020; lồng ghép, vận dụng hiệu quả các cơ chế, chính sách của các Chương trình mục tiêu Quốc gia và các chương trình mục tiêu khác đang thực hiện để triển khai đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tránh sự chồng chéo, phân tán về nguồn lực và cơ quan quản lý. Ưu tiên đầu tư cho các vùng đặc biệt khó khăn, các công trình dự án trọng điểm để tạo điều kiện, động lực cho sự phát triển, nhất là đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, sắp xếp ổn định dân cư, đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ, cơ sở vật chất và thiết bị trường học; bảo đảm các hộ gia đình dân tộc thiểu số được tiếp cận, sử dụng điện lưới quốc gia hoặc các nguồn điện khác phù hợp, dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt. Chủ động rà soát, xây dựng, bổ sung các chính sách phù hợp, bố trí đủ vốn tín dụng ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư, mở rộng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đây là vấn đề mấu chốt để giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất, tạo việc làm, sinh kế cho người dân và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.7. Phát triển đồng bộ về giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là ở các trường phổ thông dân tộc nội trú. Giữ vững và phát huy thành quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; hạn chế thấp nhất tình trạng học sinh bỏ học; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ việc ăn, ở cho học sinh, sinh viên vùng đặc biệt khó khăn. Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra; có cơ chế, chính sách chăm lo đời sống cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường đội ngũ y, bác sỹ tại các trạm y tế, đảm bảo nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh cho đồng bào ngay từ tuyến cơ sở. Thực hiện tốt công tác phòng, chống suy

đinh dưỡng ở trẻ em, nâng cao sức khỏe, tâm vóc thanh, thiếu niên là người dân tộc thiểu số.

Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa; nâng cấp các Đài truyền thanh, tiếp hình cấp huyện để nâng cao chất lượng phủ sóng; sưu tầm, bảo tồn và phát huy có hiệu quả các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Phát huy vai trò của người dân trong xây dựng đời sống văn hóa, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu. Có biện pháp quyết liệt để xóa bỏ tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số.

Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và thực hiện nghiêm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Đấu tranh kiên quyết, hiệu quả đối với các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2.8. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Chủ động nắm chắc tình hình, giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện ngay từ cơ sở; kịp thời đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi các loại tội phạm, kiên quyết không để xảy ra “điểm nóng”, “điểm phức tạp” về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ, công chức, viên chức, người có uy tín; phát huy vai trò tích cực của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; biểu dương, tôn vinh, động viên người có uy tín, doanh nhân, nhà khoa học trong cộng đồng các dân tộc thiểu số có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.9. Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đội ngũ cán bộ cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tăng cường phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số, nhất là ở địa bàn trọng điểm, đặc biệt khó khăn. Chú trọng phát hiện, quy hoạch, tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo, bố trí, sử dụng hợp lý cán bộ là người dân tộc thiểu số tại chỗ, cán bộ nữ, đảm bảo số lượng theo quy định. Nâng cao trình độ, đạo đức, pháp luật, kiến thức và tiếng dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên lựa chọn đề bạt, bổ nhiệm những cán bộ đã được bồi dưỡng kiến thức dân tộc và biết sử dụng tiếng dân tộc. Kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan làm công tác dân tộc ở cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo đồng bộ, tinh gọn, hoạt động hiệu quả; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động phù hợp với vùng dân tộc thiểu số để tăng cường và củng cố khối

đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp quần chúng, nâng cao tính tích cực, tính tự lực, tự cường trong cuộc sống, phát huy dân chủ, đoàn kết cộng đồng dân cư trong vùng dân tộc thiểu số, đề cao vai trò của người dân tham gia xây dựng cuộc sống mới. Xây dựng cơ chế để phát huy vai trò giám sát, phản biện đối với hoạt động của chính quyền.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh quán triệt nội dung Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân bằng hình thức phù hợp; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hóa Nghị quyết này thành các văn bản cụ thể theo thẩm quyền để tổ chức thực hiện.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh phân công Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực, chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo giải quyết những vấn đề phát sinh theo thẩm quyền; định kỳ hàng năm sơ kết, báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cuối nhiệm kỳ tiến hành tổng kết, báo cáo Tỉnh ủy.

4. Các cơ quan tham mưu Tỉnh ủy có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh lãnh đạo xây dựng kế hoạch, chương trình giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### Nơi nhận: (VBĐT)

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Ban Kinh tế Trung ương (để báo cáo),
- Vụ địa phương 2 - VPTW,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy,
- Các cơ quan tham mưu Tỉnh ủy, đảng đoàn, BCS đảng và đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, địa phương,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY**

**BÍ THƯ**

**Nguyễn Khắc Định**